TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 337/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2026
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Hữu Ha
Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 577/2026/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dư Ngọc H - sinh năm: 1972 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn*: Ông Lê Văn D - Sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - Bà Dư Ngọc H trình bày:

Bà H và ông Lê Văn D tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1989. Đến năm 2019, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh An Giang. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn trong làm kinh tế gia đình, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc dù cả hai đã tự sửa đổi nhưng cũng không thể hàn gắn được tình cảm nên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung tên Lê Văn C - sinh ngày: 03/02/1990 và Lê Thị T - sinh ngày: 25/11/1992 và Lê Văn Đ - sinh năm: 1995. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - ông Lê Văn D đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H1 là phù hợp.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu ly hôn, ông D không có ý kiến và không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông D.

Về con chung: Theo trình bày của bà H và giấy khai sinh có cơ sở xác định bà H và ông D có 03 con chung tên Lê Văn C - sinh ngày: 03/02/1990 và Lê Thị T - sinh ngày: 25/11/1992 và Lê Văn Đ - sinh năm: 1995. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Buộc bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Dư Ngọc H khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Văn D. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng ông D vắng mặt không rõ lý do. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự

theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân:

Bà Dư Ngọc H và ông Lê Văn D cưới nhau vào năm 1989, ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Bà H xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Bà H và ông D đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*....". Ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông D không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và không đến Tòa án tham gia tố tụng nên có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của bà H và ông D ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho bà Dư Ngọc H được ly hôn với ông Lê Văn D.

[2.2] Về con chung:

Theo trình bày của bà H và giấy khai sinh có cơ sở xác định bà H và ông D có 03 con chung tên Lê Văn C - sinh ngày: 03/02/1990 và Lê Thị T - sinh ngày: 25/11/1992 và Lê Văn Đ - sinh năm: 1995. Hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

Bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 301716 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dư Ngọc H được ly hôn với ông Lê Văn D

2. Về án phí: Bà Dư Ngọc H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 301716 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An